TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày: 09-9-2025.
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Văn Thống.
2/. Ông Kiên Ngọc Minh.

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Cẩm Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-DS, ngày 16 tháng 7 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-DS, ngày 13/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2025/QĐST-DS, ngày 28/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Võ Thị N, sinh năm 1979 (có mặt).
Địa chỉ: ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: bà Trương Thị Ú, sinh năm 1965 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi hiện, lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Nghĩa L nguyên đơn trình bày: Vào ngày 26/4/2017al bà Ú có vay của bà số tiền 5.000.000 đồng, bà Ú có đóng lãi đầy đủ với mức lãi suất 1,5%/tháng, trong thời gian đầu bà Ú vẫn thực hiện trả lãi đúng hạn, đến ngày 01/8/2023 bà Ú tiếp tục vay thêm của bà số tiền 5.000.000 đồng, cả 02 lần vay là 10.000.000 đồng, cả 02 lần vay bà Ú đều viết biên nhận, hiện bà đang giữ biên nhận, từ lần mượn sau đến nay, bà Ú chưa đóng lãi hay trả gốc cho bà lần nào, dù bà đã nhiều lần nhắc nhỡ, yêu cầu thanh toán nhưng bà Ú liên tục hứa hẹn rồi thất hứa, không có thiện chí trả nợ.

Nay bà yêu cầu bà Trương Thị Ú phải trả cho bà số tiền là 10.000.000 đồng, bà yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 15/9/2023 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

Theo bị đơn bà Trương Thị Ú trình bày: Qua lời trình bày của bà Võ Thị Nghĩa L đúng sự thật, bà thừa nhận vào ngày 26/4/2017al bà có vay của bà N 5.000.000 đồng có làm biên nhận do bà viết và ký tên, số tiền này bà đóng lãi và đã trả vốn cho bà N không còn thiếu, nhưng khi bà trả số tiền này bà không kêu bà N bỏ biên nhận hay làm biên nhận cho bà, nay bà N lấy biên nhận này ra kiện bà còn thiếu 5.000.000 đồng là không đúng, sau khi trả số tiền trên xong cho bà N, đến ngày 01/8/2023al nhằm ngày 15/8/2023dl bà mượn thêm của bà N 5.000.000 đồng có làm biên nhận do bà viết và ký tên, sau khi mượn bà đóng được vài tháng lãi thì ngưng cho đến nay.

Nay theo yêu cầu của bà N bà không đồng ý, bà thừa nhận còn thiếu bà N 5.000.000 đồng, bà sẽ trả số tiền này cùng với tiền lãi mà bà N yêu cầu, nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả dần cho đến hết số nợ này.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trương Thị Ú là bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, không bổ sung, cung cấp chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay bà Trương Thị Ú là bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dụng vụ án:

Xét yêu cầu của bà Võ Thị N yêu cầu bà Trương Thị Ú phải trả cho bà số tiền là 10.000.000 đồng, bà yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 15/9/2023dl cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

Phía bị đơn bà Trương Thị Ú không đồng ý theo yêu cầu của bà N, bà thừa nhận còn thiếu bà N 5.000.000 đồng, bà sẽ trả số tiền này cùng với tiền lãi mà bà N yêu cầu, nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả dần cho đến hết số nợ này, do hai bên không thống nhất số tiền vay còn thiếu nên từ đó xảy ra tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Nghĩa L có cơ sở chấp nhận bởi vì:

Về số tiền nợ gốc:

Việc vay tiền giữa bà N với bà Ú được thể hiện trong 02 lần vay tổng số tiền 10.000.000 đồng, bà N cung cấp 02 biên nhận ngày 26/4/2017al bà Ú vay 5.000.000 đồng; Ngày 07/8/2023al bà Ú vay 5.000.000 đồng, nội dung biên nhận bà Ú ghi, ký tên và ghi họ tên, 02 biên nhận này bà Ú đều thừa nhận là chữ viết và chữ ký của bà. Đây là

tình tiết được các bên thừa nhận do đó không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình vay bà Ú cho rằng đã trả đủ 5.000.000 đồng vốn gốc và tiền lãi đối với biên nhận ngày 26/4/2017al cho bà N, việc trả tiền không có làm giấy tờ, bà chỉ còn thiếu 5.000.000 đồng vốn gốc đối với biên nhận ngày 07/8/2023al, bà N cho rằng bà Ú vay 02 lần tổng số tiền 10.000.000 đồng chỉ trả tiền lãi, không có trả tiền vốn gốc, hiện tại còn thiếu 10.000.000 vốc gốc chưa trả.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh là nghĩa vụ của đương sự, bà Ú có trách nhiệm chứng minh bà đã trủ đủ 5.000.000 đồng vốn gốc và tiền lãi đối với biên nhận nợ ngày 26/4/2017al, nhưng đến tại phiên tòa hôm nay bà Ú cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án để chứng minh việc bà đã trả đủ 5.000.000 đồng vốn gốc và tiền lãi đối với biên nhận nợ ngày 26/4/2017al cho bà N.

Vì vậy nghĩ nên không chấp nhận yêu cầu nại ra của bà Ú cho rằng đã trả đủ 5.000.000 đồng vốn gốc và tiền lãi đối với biên nhận nợ ngày 26/4/2017al cho bà N. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà Nghĩa L buộc bà Ú trả số tiền vay còn thiếu là 10.00.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Nay bà N yêu cầu tính lãi số tiền 10.000.000 đồng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15/9/2023dl cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

Do bà Ú chưa trả cho bà N số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền này nên việc bà N yêu cầu bà Ú phải trả cho bà lãi suất phát sinh là có cơ sở.

Xét thấy việc yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là phù hợp với pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định "*trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*" bà N yêu cầu tính lãi suất 10%/năm tức 0,83%/tháng là phù hợp nên được chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 15/9/2023dl đến ngày 09/9/2025dl là: 10.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 23 tháng 25 ngày = 1.985.000 đồng. Tổng cộng gốc lãi là 11.985.000 đồng. Buộc bà Trương Thị Ú có nghĩa vụ trả số tiền này cho bà Võ Thị N.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Trương Thị Ú có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật, nhưng bà Ú là người cao tuổi căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí cho bà Ú, bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Võ Thị N.

Buộc bà Trương Thị Ú có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị N 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) vốn gốc và 1.985.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng gốc lãi là 11.985.000 đồng (*Mười một triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trương Thị Ú được miễn nộp án phí, bà Võ Thị N không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000270, ngày 16/7/2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Trúc Linh

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long.
-VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long.
-THADS tỉnh Vĩnh Long.
-Các đương sự.
-Lưu.